

BÁO CÁO

**Kết quả thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị
và các cơ chế, chính sách hỗ trợ và thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân
trên địa bàn tỉnh (từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/6/2026)**

Kính gửi: Đoàn giám sát của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh

Thực hiện Kế hoạch số 19/KH-ĐGS ngày 10/8/2026 của Đoàn giám sát của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh về giám sát việc thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW của Bộ Chính trị và các cơ chế, chính sách hỗ trợ và thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân trên địa bàn tỉnh Cà Mau, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ và thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân trên địa bàn tỉnh Cà Mau giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/6/2026¹ như sau:

I. TỔNG QUAN THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KHU VỰC KINH TẾ TƯ NHÂN

Trong giai đoạn 2023 - 2026, khu vực kinh tế tư nhân tiếp tục giữ vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, thể hiện rõ qua đóng góp vào GRDP, thu ngân sách, tạo việc làm và huy động nguồn lực đầu tư xã hội. Quy mô và số lượng doanh nghiệp có sự biến động qua từng năm, nhưng từ năm 2025 đến 6 tháng đầu năm 2026 đã có chuyển biến tích cực về số doanh nghiệp gia nhập thị trường và quy mô vốn đăng ký.

Đóng góp của khu vực kinh tế tư nhân vào GRDP của tỉnh có xu hướng tăng. Năm 2023 đạt 100.708 tỷ đồng, năm 2024 đạt 110.091 tỷ đồng và năm 2025 đạt 122.544 tỷ đồng; tương ứng chiếm 73,92%, 73,32% và 72,98% GRDP của tỉnh, cho thấy vai trò đặc biệt quan trọng của khu vực kinh tế tư nhân đối với quy mô và tăng trưởng kinh tế của tỉnh.

Về đóng góp ngân sách, năm 2023 khu vực kinh tế tư nhân đóng góp 1.558 tỷ đồng, chiếm 16% tổng thu ngân sách trên địa bàn; năm 2024 là 1.139 tỷ đồng, chiếm 12,35%; năm 2025 đạt 2.791 tỷ đồng, chiếm 22,86%. Trong 6 tháng đầu năm 2026, khu vực kinh tế tư nhân đóng góp 1.675 tỷ đồng, bằng 64,7% dự toán năm và tăng 69,4% so với cùng kỳ năm 2025; tỷ trọng thu ngân sách từ khu vực này đạt 23,7% tổng thu ngân sách trên địa bàn, tăng 7 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm 2025. Kết quả cho thấy khu vực kinh tế tư nhân đang trở thành nguồn thu ngày càng quan trọng của ngân sách tỉnh.

¹ Đối với một số nội dung, báo cáo cập nhật thêm thông tin, số liệu phát sinh gần nhất sau thời điểm 30/6/2026 để phục vụ công tác tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện.

Khu vực kinh tế tư nhân cũng là khu vực tạo việc làm chủ yếu trên địa bàn. Đến cuối năm 2025, số lao động trong kinh tế tư nhân là 1.025.560 người, chiếm 93,23% tổng số lao động; năng suất lao động bình quân đạt 132 triệu đồng/người, tăng 17,75% so với năm 2023; thu nhập bình quân đạt 6,85 triệu đồng/người/tháng, tăng 15,6% so với năm 2023.

Về huy động nguồn lực đầu tư, giai đoạn từ năm 2023 đến tháng 6/2026, tỉnh đã thu hút 83 dự án đầu tư ngoài khu kinh tế với tổng vốn 24.082.337 triệu đồng. Lũy kế đến ngày 30/6/2026, toàn tỉnh có 717 dự án với tổng vốn đầu tư 346.007,032 tỷ đồng; trong đó, có 31 dự án đầu tư nước ngoài (FDI), với tổng vốn đăng ký 4,581 tỷ USD, tương đương khoảng 113.538,204 tỷ đồng; riêng trong Khu kinh tế có 78 dự án được cấp phép đầu tư còn hiệu lực, tổng vốn đăng ký 27.696,054 tỷ đồng, gồm 04 dự án FDI với vốn đăng ký khoảng 2.230,393 tỷ đồng, tương đương 96,11 triệu USD và 02 dự án hạ tầng với tổng vốn 4.460,954 tỷ đồng.

Theo kết quả Chỉ số hiệu quả kinh tế tư nhân (BPI) năm 2025, tỉnh Cà Mau đạt 4,13 điểm, xếp hạng 19/34 tỉnh, thành phố. Có 05 chỉ số thành phần cao hơn điểm trung vị, gồm: Tỷ lệ thành lập doanh nghiệp mới; tỷ lệ doanh nghiệp đang hoạt động; doanh thu trên mỗi lao động; doanh nghiệp có lãi trong năm gần nhất và Hộ kinh doanh phi nông nghiệp trên 1.000 dân. Có 08 chỉ số thành phần thấp hơn điểm trung vị, gồm: Doanh nghiệp tư nhân thành lập mới trên 1.000 dân; doanh nghiệp đang hoạt động trên 1.000 dân; tăng trưởng doanh nghiệp đang hoạt động; Tăng trưởng doanh thu; tăng trưởng lao động doanh nghiệp đang hoạt động; Doanh nghiệp có kế hoạch mở rộng trong 2 năm tới; tăng trưởng lao động hộ kinh doanh phi nông nghiệp và tăng trưởng hộ kinh doanh phi nông nghiệp.

Những chỉ số trên phản ánh khá rõ đặc điểm của khu vực kinh tế tư nhân hiện nay: khả năng gia nhập thị trường có chuyển biến; tuy nhiên, quy mô và tốc độ tăng trưởng của khu vực doanh nghiệp vẫn còn hạn chế; phần lớn doanh nghiệp trên địa bàn là doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ, năng lực tích lũy vốn, quản trị, công nghệ và mở rộng thị trường còn hạn chế; số doanh nghiệp có quy mô lớn, đủ năng lực dẫn dắt chuỗi giá trị chưa nhiều.

Về tình hình đăng ký và hoạt động của doanh nghiệp, số doanh nghiệp thành lập mới năm 2023 là 1.009 doanh nghiệp; năm 2024 là 911 doanh nghiệp; năm 2025 là 1.600 doanh nghiệp; 6 tháng đầu năm 2026 là 1.004 doanh nghiệp. Số doanh nghiệp quay trở lại hoạt động lần lượt qua các năm từ năm 2024 đến 6 tháng đầu năm 2026 là 252, 275, 276 và 196 doanh nghiệp.

Đến ngày 30/6/2026, toàn tỉnh có 7.878 doanh nghiệp đang hoạt động, với tổng vốn đăng ký 117.094 tỷ đồng. Bên cạnh đó, số doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động năm 2023 là 426; năm 2024 là 260; năm 2025 là 272; 6 tháng đầu năm 2026 là 378 doanh nghiệp. Số doanh nghiệp giải thể lần lượt qua các năm từ năm 2023 đến 6 tháng đầu năm 2026 là 200, 540, 594 và 166 doanh nghiệp. Số liệu cho thấy số doanh nghiệp thành lập mới năm 2025 và 6 tháng đầu năm 2026 tăng mạnh, tuy nhiên số doanh nghiệp tạm ngừng, giải thể vẫn ở mức cao.

Đối với hợp tác xã, năm 2023 thành lập mới 66 hợp tác xã, năm 2024 là 79, năm 2025 là 61 và 6 tháng đầu năm 2026 là 18 hợp tác xã. Số hợp tác xã tạm ngừng

hoạt động lần lượt qua các năm từ năm 2023 đến 6 tháng đầu năm 2026 là 03, 04, 06 và 01; số hợp tác xã giải thể lần lượt là 10, 08, 06 và 03. Đến ngày 30/6/2026, toàn tỉnh có 589 hợp tác xã đang hoạt động, với vốn điều lệ 871,2 tỷ đồng.

Đối với hộ kinh doanh, đến ngày 30/6/2026, toàn tỉnh có 48.918 hộ kinh doanh đang hoạt động. Cùng với doanh nghiệp và hợp tác xã, hộ kinh doanh là bộ phận có quy mô lớn trong khu vực kinh tế tư nhân và có vai trò quan trọng trong thương mại, dịch vụ, sản xuất nhỏ, kinh doanh cá thể và tạo việc làm trên địa bàn.

II. VIỆC LÃNH ĐẠO, ĐIỀU HÀNH VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN PHÁT TRIỂN KINH TẾ TƯ NHÂN

1. Công tác lãnh đạo, điều hành phát triển kinh tế tư nhân

1.1. Trước khi thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW của Bộ Chính trị

Trước khi Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 về phát triển kinh tế tư nhân, trên địa bàn tỉnh Cà Mau và tỉnh Bạc Liêu trước hợp nhất, công tác lãnh đạo, chỉ đạo phát triển kinh tế tư nhân đã được cấp ủy, chính quyền quan tâm triển khai, từng bước cụ thể hóa các chủ trương của Trung ương tại Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 03/6/2017 về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế và Nghị quyết số 41-NQ/TW ngày 10/10/2023 về xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ doanh nhân Việt Nam trong thời kỳ mới. Trên cơ sở đó, Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau, Bạc Liêu (trước hợp nhất) đã ban hành các chương trình, kế hoạch triển khai thực hiện, như:

- Chương trình số 22-CTr/TU ngày 30/10/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bạc Liêu triển khai Nghị quyết 10-NQ/TW;

- Chương trình số 73-CTr/TU ngày 15/3/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bạc Liêu triển khai Nghị quyết 41-NQ/TW;

- Chương trình số 68-CTr/TU ngày 09/4/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Cà Mau triển khai Nghị quyết 41-NQ/TW;

- Kế hoạch số 01/KH-UBND ngày 03/01/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu triển khai thực hiện Nghị quyết số 98/NQ-CP ngày 03/10/2017 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW thực hiện và Chương trình hành động số 22-CTr/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy;

- Kế hoạch số 193/KH-UBND ngày 14/8/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau triển khai thực hiện Nghị quyết số 58/NQ-CP ngày 21/4/2023 của Chính phủ về một số chính sách, giải pháp trọng tâm hỗ trợ doanh nghiệp chủ động thích ứng, phục hồi nhanh và phát triển bền vững đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Cà Mau;

- Kế hoạch số 208/KH-UBND ngày 28/8/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau về thực hiện Nghị quyết số 45/NQ-CP ngày 31/3/2023 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW;

- Kế hoạch số 220/KH-UBND ngày 15/12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu thực hiện Nghị quyết số 45/NQ-CP ngày 31/3/2023 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ tiếp tục thực hiện Nghị quyết 10-NQ/TW;

- Kế hoạch số 137/KH-UBND ngày 07/6/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau về triển khai thực hiện Chương trình số 68-CTr/TU ngày 09/4/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 09/5/2024 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 41-NQ/TW;

- Kế hoạch số 100/KH-UBND ngày 03/7/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu triển khai thực hiện Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 09/5/2024 của Chính phủ và Chương trình số 73-CTr/TU ngày 15/3/2024 thực hiện Nghị quyết 41-NQ/TW.

Cùng với đó, các chương trình, kế hoạch về phát triển doanh nghiệp, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, xúc tiến đầu tư, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh và hỗ trợ doanh nghiệp khu vực tư nhân kinh doanh bền vững được quan tâm triển khai. Qua đó, công tác phát triển doanh nghiệp, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, hỗ trợ khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực được quan tâm triển khai; nhận thức của các cấp, các ngành về vị trí, vai trò của khu vực kinh tế tư nhân và đội ngũ doanh nhân từng bước được nâng lên, tạo cơ sở và tiền đề để tiếp tục triển khai Nghị quyết số 68-NQ/TW trên địa bàn tỉnh sau khi sắp xếp, hợp nhất đơn vị hành chính.

1.2. Sau khi thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW của Bộ Chính trị

Sau khi Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân được ban hành, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Kế hoạch số 05-KH/TU ngày 14/7/2025 về phát triển kinh tế tư nhân trên địa bàn tỉnh Cà Mau. Trên cơ sở đó, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch số 035/KH-UBND ngày 04/8/2025 để tổ chức triển khai thực hiện, cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Nghị quyết số 68-NQ/TW phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

Sau Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Cà Mau lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh tiếp tục ban hành Chương trình số 12-CTr/TU ngày 11/12/2025 về phát triển kinh tế tư nhân trên địa bàn tỉnh. Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch số 0271/KH-UBND ngày 31/12/2025, theo đó, cập nhật, bổ sung các nhiệm vụ, giải pháp phù hợp với yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới, bảo đảm sự thống nhất trong tổ chức thực hiện từ tỉnh đến cơ sở.

Để tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều phối và theo dõi việc thực hiện, ngày 14/7/2025, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Quyết định số 20-QĐ/TU thành lập Ban Chỉ đạo về phát triển kinh tế tư nhân, do đồng chí Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh làm Trưởng Ban Chỉ đạo. Ban Chỉ đạo ban hành Quy chế hoạt động tại Quyết định số 048/QĐ-BCĐ ngày 03/9/2025; phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên tại Thông báo số 129-TB/BCĐ ngày 13/3/2026; đồng thời thành lập Tổ Giúp việc và phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên.

Ngày 09/6/2026, Ban Chỉ đạo tỉnh ban hành Chương trình hoạt động số 288-CTr/BCĐ nhằm cụ thể hóa các nhiệm vụ chỉ đạo, điều phối trọng tâm trong triển khai Nghị quyết số 68-NQ/TW năm 2026, tập trung theo dõi, đôn đốc thực hiện các nhiệm vụ được giao và kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh.

Cùng với việc ban hành chương trình, kế hoạch và quy chế hoạt động, Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Ban Chỉ đạo tỉnh thường xuyên theo dõi, đôn đốc việc thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW, Chương trình số 12-CTr/TU và các kế hoạch của

Ủy ban nhân dân tỉnh. Công tác phối hợp giữa các sở, ngành, địa phương từng bước được tăng cường; tiến độ thực hiện các nhiệm vụ được theo dõi thường xuyên để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành. Thông qua rà soát, đánh giá tình hình thực hiện, Ban Chỉ đạo đã chỉ đạo các sở, ban, ngành, địa phương và Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh tập trung thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm; chủ động phối hợp xử lý khó khăn, vướng mắc, nâng cao trách nhiệm trong tổ chức thực hiện. Cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo được giao theo dõi, đôn đốc, tổng hợp tình hình và tham mưu cấp có thẩm quyền xử lý các vấn đề phát sinh.

Ngày 03/7/2026, Ủy ban nhân dân tỉnh đã tổ chức Hội nghị sơ kết 01 năm thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW nhằm đánh giá toàn diện kết quả triển khai trên địa bàn tỉnh; đồng thời tặng bằng khen cho 38 doanh nghiệp có nhiều đóng góp, đồng hành cùng các hoạt động, sự kiện của tỉnh trong thời gian qua.

2. Kết quả tổ chức thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế tư nhân

2.1. Việc thực hiện đẩy mạnh cải cách, hoàn thiện, nâng cao chất lượng thể chế, chính sách

a) Về cải cách thủ tục hành chính, đơn giản hóa, cắt giảm thời gian giải quyết và điều kiện kinh doanh

Thực hiện Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ về chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh, Ủy ban nhân dân tỉnh đã phê duyệt phương án đơn giản hóa đối với 12 thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh Cà Mau, đạt 100%; thời gian giải quyết được cắt giảm từ 30% đến 50% so với quy định. Đồng thời, đã hoàn thành thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa đối với 08 thủ tục hành chính này.

Đến nay, đã hoàn thành cung cấp 1.182/1.182 thủ tục hành chính liên quan đến doanh nghiệp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, đạt 100%, được thực hiện trực tuyến, thông suốt, liền mạch, hiệu quả, góp phần giảm giấy tờ trong quá trình thực hiện thủ tục.

Tỉnh cũng đã hoàn thành công bố danh mục thủ tục hành chính thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính đối với 2.234/2.234 thủ tục, đạt 100%. Lũy kế đã thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa 548 thủ tục; trong đó, cắt giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết đối với các thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh, đạt 100%. Tính đến nay, toàn tỉnh có 1.900/2.115 thủ tục hành chính được cắt giảm thời gian giải quyết so với quy định.

Thực hiện các nghị quyết của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành 36 Quyết định, công bố 257 thủ tục hành chính được phân cấp theo các nghị quyết của Chính phủ, bảo đảm việc tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính đúng nội dung phân cấp.

Trong công tác xây dựng, kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật, Sở Tư pháp quan tâm kiểm soát việc quy định điều kiện kinh doanh trái thẩm quyền. Đến hết ngày 30/6/2026, đã rà soát 549 văn bản quy phạm pháp luật cấp tỉnh còn hiệu lực và chưa có hiệu lực, gồm 214 nghị quyết và 329 quyết định; 171 văn bản cấp huyện

còn hiệu lực trước khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, gồm 02 nghị quyết và 169 quyết định; 212 văn bản cấp xã, gồm 04 nghị quyết và 208 quyết định. Qua rà soát, đã sửa đổi, bổ sung, thay thế, tạm ngưng hiệu lực, bãi bỏ một phần đối với 63 văn bản quy phạm pháp luật cấp tỉnh và 80 văn bản cấp xã; ban hành mới 56 văn bản quy phạm pháp luật cấp tỉnh; bãi bỏ toàn bộ 66 văn bản quy phạm pháp luật cấp tỉnh.

b) Về triển khai và kết quả thực hiện các cơ chế, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; kế hoạch phát triển kinh tế tư nhân

Ủy ban nhân dân tỉnh đã cụ thể hóa các chủ trương của Trung ương về phát triển kinh tế tư nhân, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa thông qua các chương trình, kế hoạch thuộc từng lĩnh vực, cụ thể:

- Về khuyến công: Giai đoạn 2023 – 2026, triển khai các chương trình, đề án hỗ trợ cơ sở công nghiệp nông thôn, doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh đầu tư máy móc, thiết bị, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, sản xuất sạch hơn, phát triển sản phẩm, xây dựng thương hiệu, bao bì, nhãn hiệu và đào tạo, nâng cao tay nghề. Tổng kinh phí địa phương thực hiện 7.101,8 triệu đồng, hỗ trợ 29 đơn vị thụ hưởng, thu hút vốn đối ứng của cơ sở 8.101,8 triệu đồng. Nguồn kinh phí khuyến công quốc gia giai đoạn này hỗ trợ 04 đơn vị với kinh phí 1.200 triệu đồng. Qua đó góp phần nâng cao năng lực sản xuất, đổi mới máy móc, thiết bị, nâng cao chất lượng sản phẩm và mở rộng thị trường.

- Về xúc tiến thương mại: Giai đoạn 2023 – 2025, hỗ trợ 460 lượt doanh nghiệp tham gia hội chợ, triển lãm, kết nối cung cầu, giao thương, khảo sát thị trường và các hoạt động xúc tiến thương mại trong và ngoài nước, với tổng kinh phí 10.613,505 triệu đồng; tạo trên 314 hợp đồng, biên bản ghi nhớ, đơn hàng, đối tác và thị trường mới.

- Về phát triển thương mại điện tử: Đã triển khai các nhiệm vụ hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã và cơ sở sản xuất, kinh doanh ứng dụng thương mại điện tử, chuyển đổi phương thức kinh doanh, mở rộng kênh phân phối và tiếp cận khách hàng trên môi trường số. Giai đoạn 2023 - 2026, đã tổ chức 21 lớp đào tạo, tập huấn về thương mại điện tử với hơn 1.795 lượt người tham dự. Nội dung tập trung vào pháp luật về thương mại điện tử, xu hướng thương mại điện tử trong nước và quốc tế, xây dựng hệ thống bán hàng toàn cầu, chuyển đổi số, công thức thu hút khách hàng và tăng trưởng doanh thu, sử dụng ChatGPT và AI để xây dựng nội dung quảng cáo, video, hình ảnh, sử dụng hợp đồng điện tử. Hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã và cơ sở sản xuất, kinh doanh, nhất là các chủ thể OCOP, xây dựng website, tham gia sàn thương mại điện tử và quảng bá sản phẩm trên các nền tảng số. Đến nay, sản phẩm OCOP, sản phẩm đặc sản, đặc trưng của tỉnh đã được quảng bá trên các sàn như Shopee, Lazada, TikTok, Tiki, Sendo,...; tổ chức 02 phiên livestream thúc đẩy tiêu thụ, quảng bá sản phẩm OCOP và đặc sản Cà Mau trên nền tảng TikTok vào năm 2024 và 2025, với 23 đơn vị tham gia, giới thiệu 69 sản phẩm; thu hút trên 309.000 người xem và phát sinh hơn 1.450 đơn hàng.

- Về hỗ trợ pháp lý: Đã cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật lên Trang thông tin điện tử phổ biến, giáo dục pháp luật; đăng tải văn bản, thông tin về hoạt động doanh

ngành tại chuyên mục “Hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp”; biên soạn, thiết kế và đăng tải hơn 150 loại tờ gấp pháp luật điện tử. Đã đăng tải trên 880 tin, bài trên Trang thông tin phổ biến, giáo dục pháp luật, thu hút trên 860.138 lượt người truy cập; đăng tải trên 820 tin, bài trên Trang Facebook “PBGDPL Cà Mau” và Trang Fanpage “Phổ biến giáo dục pháp luật tỉnh Cà Mau”. Năm 2026, tổ chức cuộc thi trực tuyến tìm hiểu pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa; đến thời điểm báo cáo có gần 10.000 người tham gia; phối hợp thực hiện 05 phóng sự về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa. Đồng thời, công bố mạng lưới tư vấn viên pháp luật gồm 06 tổ chức và 13 cá nhân; phối hợp với Cục Pháp luật dân sự - kinh tế, Bộ Tư pháp tổ chức hội nghị trao đổi giải pháp nâng cao hiệu quả hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, cá nhân kinh doanh, hộ kinh doanh, hợp tác xã với sự tham gia của trên 40 doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh.

- Về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa: Giai đoạn 2023 - 2026, Ủy ban nhân dân tỉnh đã phân khai nguồn kinh phí Trung ương hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tổng số 9.520 triệu đồng (năm 2023 là 3,5 tỷ đồng, năm 2024 là 4,02 tỷ đồng và năm 2026 là 2 tỷ đồng), tập trung hỗ trợ công nghệ, hỗ trợ doanh nghiệp tham gia cụm liên kết ngành và chuỗi giá trị.

Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 0115/KH-UBND ngày 26/9/2025 về hỗ trợ doanh nghiệp tham gia phát triển các ứng dụng, dịch vụ số mới theo hình thức hợp tác công tư (PPP) trên địa bàn tỉnh; lồng ghép nội dung hỗ trợ doanh nghiệp khi tham mưu xây dựng các đề án, kế hoạch của tỉnh như: Quyết định số 1929/QĐ-UBND ngày 01/8/2022 ban hành Đề án Chuyển đổi số tỉnh Cà Mau đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 0280/KH-UBND ngày 31/12/2025 về thực hiện Chuyển đổi số năm 2026 tỉnh Cà Mau; Kế hoạch số 190/KH-UBND ngày 04/9/2024 về Phát triển thương mại điện tử và chuyển đổi số trong hoạt động xúc tiến thương mại tỉnh Cà Mau năm 2025; Các kế hoạch, đề án đều có nội dung hỗ trợ doanh nghiệp trong thực hiện chuyển đổi số, tuyên truyền nâng cao nhận thức, đào tạo, tập huấn kỹ năng, ứng dụng chữ ký số, phát triển thương mại điện tử; hỗ trợ các doanh nghiệp (nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa) trên địa bàn tỉnh thực hiện chuyển đổi số, tối ưu hóa hoạt động, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, năng lực và lợi thế cạnh tranh. Triển khai tổ chức Hội nghị chuyển đổi số trong doanh nghiệp, tập huấn hỗ trợ công nghệ số dành cho doanh nghiệp nhỏ và vừa thu hút hơn 180 lượt doanh nghiệp tham gia. Với mục đích tạo sự chuyển biến trong nhận thức và hành động của cộng đồng doanh nghiệp về chuyển đổi số trong hoạt động sản xuất, kinh doanh; ghi nhận nhu cầu, khó khăn và đề xuất từ doanh nghiệp trong việc thúc đẩy chuyển đổi số; tăng cường kết nối giữa chính quyền và doanh nghiệp; tạo diễn đàn trao đổi, kết nối, chia sẻ kinh nghiệm và hợp tác giữa các doanh nghiệp về chuyển đổi số.

c) Kết quả triển khai quy định bãi bỏ lệ phí môn bài; miễn thuế thu nhập doanh nghiệp cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trong 3 năm đầu thành lập và các chính sách khác về hỗ trợ thuế cho doanh nghiệp

- Việc bãi bỏ lệ phí môn bài và miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa trong 03 năm đầu thành lập được triển khai theo quy định Nghị quyết số 198/2025/QH15 của Quốc hội và các văn bản hướng dẫn. Trong năm 2025,

có 3.574 cơ sở (doanh nghiệp/hộ kinh doanh) được miễn lệ phí môn bài; 06 tháng đầu năm 2026 có 33.944 cơ sở được miễn.

- Đối với chính sách miễn thuế thu nhập doanh nghiệp cho doanh nghiệp nhỏ và vừa thành lập mới, năm 2025 có 692 doanh nghiệp được miễn, với số tiền thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn là 37.067 triệu đồng; trong 06 tháng đầu năm 2026, có 250 doanh nghiệp được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp, với số tiền thuế được miễn là 188 triệu đồng.

d) Kết quả xử lý dứt điểm các dự án, hợp đồng tồn đọng kéo dài nhiều năm, gây thất thoát, lãng phí nguồn lực xã hội

Ban Chỉ đạo tháo gỡ khó khăn, vướng mắc các dự án tồn đọng, kéo dài trên địa bàn tỉnh đã rà soát, phân loại các dự án tồn đọng, kéo dài có khó khăn, vướng mắc; kịp thời ban hành các văn bản chỉ đạo, làm cơ sở xử lý các bước tiếp theo, bảo đảm đúng quy định của pháp luật. Kết quả đến nay, có 16/72 dự án đã được tháo gỡ, được cập nhật trên Hệ thống 751. Trong đó, 08 dự án đã hoàn thành và đưa vào hoạt động nằm trong khu công nghiệp, khu kinh tế; 05 dự án đã hoàn thành việc tháo gỡ khó khăn, vướng mắc liên quan đến công tác giải phóng mặt bằng, giao đất, cho thuê đất để tiếp tục triển khai các thủ tục tiếp theo theo quy định. Đáng chú ý, Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy điện gió Khu du lịch Khai Long - Cà Mau giai đoạn 1 đã được điều chỉnh chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và tổ chức lễ động thổ ngày 01/7/2026, đây là dự án có nguồn vốn đầu tư 6.320 tỷ đồng, diện tích sử dụng đất và khu vực biển 480,7 ha. Việc tháo gỡ vướng mắc, tạo điều kiện để dự án tiếp tục triển khai sẽ góp phần đẩy nhanh tiến độ đầu tư, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia.

Bên cạnh đó, có 51/72 dự án đã có chủ trương, phương hướng xử lý, tháo gỡ và đang tiếp tục thực hiện. Trong số này, có 35 dự án vướng mắc về pháp luật đất đai, 16 dự án có sử dụng đất nhưng vướng mắc ở các nội dung khác. Khó khăn chủ yếu của nhóm dự án này là nhiều dự án đã triển khai trong thời gian khá lâu, trong khi quy định pháp luật thay đổi nên phải thực hiện điều chỉnh phương án giải phóng mặt bằng, xác định giá đất. Việc kéo dài thời gian thực hiện cũng làm thay đổi quan điểm của một bộ phận người dân tại khu vực dự án. Mặt khác, một số nhà đầu tư chưa kịp chuẩn bị phương án tài chính để tiếp tục thực hiện dự án do giá đất hiện tại thay đổi lớn so với phương án tài chính ban đầu.

Có 05/72 dự án đang tiếp tục được rà soát, nghiên cứu chính sách để báo cáo Trung ương, Quốc hội, Chính phủ, các bộ, ngành hướng dẫn tháo gỡ. Khó khăn chủ yếu của nhóm này là một số quyết định thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường trước đây được ban hành không đúng thẩm quyền; vì vậy, hiện chưa có đầy đủ cơ sở pháp lý để tiếp tục thực hiện các thủ tục tiếp theo của dự án.

Nhìn chung, việc xử lý các dự án tồn đọng, kéo dài đã có chuyển biến tích cực. Một số dự án tồn đọng nhiều năm đã được tháo gỡ vướng mắc, tiếp tục triển khai và đưa vào hoạt động, qua đó góp phần khơi thông nguồn lực, nhất là nguồn lực đất đai, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

đ) Về chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), chỉ số Cải cách hành chính (PAR INDEX), chỉ số Hải lòng của người dân, tổ chức (SIPAS)

- Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI):

Theo kết quả công bố của Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), Chỉ số PCI tỉnh Cà Mau năm 2025 xếp thứ 22/34 tỉnh, thành phố trong cả nước, xếp thứ 3/5 trong khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, thuộc nhóm Trung bình. Trong 09 chỉ số thành phần, có 04 chỉ số cao hơn điểm trung vị cả nước, gồm: Tính minh bạch đạt 7,53 điểm; Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính đạt 8,06 điểm; Tiếp cận nguồn lực đạt 6,21 điểm; Chính quyền kiến tạo đạt 5,48 điểm. Có 05 chỉ số thấp hơn trung vị, gồm: Gia nhập thị trường 7,05 điểm; Chi phí không chính thức 7,26 điểm; Cạnh tranh bình đẳng 5,04 điểm; Hỗ trợ doanh nghiệp và lao động 4,51 điểm; Thiết chế pháp lý 6,11 điểm.

Kết quả cho thấy điểm mạnh của tỉnh tập trung ở tính minh bạch và chi phí tuân thủ thủ tục hành chính. Trong khi đó, những nội dung cần tiếp tục cải thiện là tiếp cận nguồn lực, chi phí không chính thức, cạnh tranh bình đẳng, hiệu quả hỗ trợ doanh nghiệp, chất lượng nguồn nhân lực và thiết chế pháp lý. Đáng lưu ý, chỉ số Chính quyền kiến tạo đạt 5,48 điểm, cao hơn trung vị 5,46 điểm nhưng cả 8/8 chỉ tiêu thành phần đều thấp hơn trung vị cho thấy yêu cầu cải thiện không chỉ nằm ở điểm số chung mà còn ở tính năng động, nhất quán và hiệu quả thực thi chính sách.

Đối với BPI năm 2025, tỉnh đạt 4,13 điểm, thấp hơn mức trung vị 4,20 điểm; nhiều chỉ tiêu về quy mô và tăng trưởng doanh nghiệp, doanh thu, lao động và xu hướng mở rộng sản xuất, kinh doanh còn thấp hơn trung vị. Vì vậy, mục tiêu cải thiện môi trường kinh doanh cần hướng đến kết quả thực tế là doanh nghiệp gia nhập thị trường, duy trì hoạt động, mở rộng sản xuất và tăng trưởng.

- Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX): Năm 2025, chỉ số cải cách hành chính của tỉnh đạt 89,85%, xếp thứ 20/34 tỉnh, thành phố, giữ nguyên thứ hạng so với năm 2024 nhưng điểm số tăng 0,52%; xếp thứ 2 khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, tăng 01 bậc. Lĩnh vực cải cách chế độ công vụ tăng 35 bậc, cải cách thể chế tăng 17 bậc; lĩnh vực Chính quyền điện tử, Chính quyền số xếp thứ 2/34. Tuy nhiên, chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính, cải cách tổ chức bộ máy và cải cách thủ tục hành chính đều giảm điểm, giảm thứ hạng; trong đó cải cách tổ chức bộ máy xếp 34/34 và cải cách thủ tục hành chính xếp 27/34. Một số hạn chế còn tập trung ở công khai thủ tục hành chính chưa đầy đủ, tỷ lệ số hóa hồ sơ chưa đạt yêu cầu và vẫn còn hồ sơ giải quyết trễ hạn, nhất là lĩnh vực đất đai; trách nhiệm và mức độ chủ động của một số cơ quan, đơn vị trong thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính chưa cao.

- Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức (SIPAS): Năm 2025, chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước của tỉnh đạt 83,27%, xếp thứ 20/34 tỉnh, thành phố, giảm 3,15% và giảm 08 bậc so với năm 2024; xếp thứ 2 khu vực Đồng bằng sông Cửu Long. Mức độ hài lòng đối với xây dựng, tổ chức thực hiện chính sách đạt 83,13%, giảm 3,25%; cung ứng dịch vụ hành chính công đạt 83,48%, giảm 3,01%. Các nội dung được đánh giá tương đối tích cực gồm tiếp cận dịch vụ 83,89%, kết quả dịch vụ 83,61% và công chức trực tiếp giải quyết công việc 83,56%. Ngược lại, trách nhiệm giải trình của chính quyền đạt 82,68% và tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị đạt 82,92%, là những nội dung cần tiếp tục cải thiện.

e) Việc xử lý các hành vi lạm dụng kiểm tra để những nhiều, gây khó khăn cho doanh nghiệp, hộ kinh doanh: Đến thời điểm báo cáo, qua rà soát các vụ việc

thuộc phạm vi theo dõi, quản lý, chưa phát sinh vụ việc lạm dụng hoạt động kiểm tra để nhũng nhiễu, gây khó khăn cho doanh nghiệp, hộ kinh doanh phải xử lý; do đó không phát sinh số liệu xử lý.

2.2. Về cơ hội tiếp cận đất đai, mặt bằng sản xuất kinh doanh cho kinh tế tư nhân và đa dạng hóa nguồn vốn cho kinh tế tư nhân

a) Tiến độ xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai và kết nối với Trung tâm Dữ liệu quốc gia và các cơ sở dữ liệu có liên quan

Tính đến ngày 30/7/2026, toàn tỉnh đã hoàn thành làm sạch 780.463/1.099.756 thửa đất thực tế, đạt 70,97%. Khối lượng còn lại lớn trong khi thời gian thực hiện không còn nhiều, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường tập trung thực hiện, phấn đấu đến ngày 30/11/2026 hoàn thành chuẩn hóa, đối soát, làm sạch tối thiểu 80% dữ liệu đất đai đủ điều kiện đồng bộ với Trung tâm Dữ liệu quốc gia; phấn đấu đến hết năm 2026 hoàn thành xây dựng cơ sở dữ liệu đối với toàn bộ thửa đất có dữ liệu trong cơ sở dữ liệu đất đai và đồng bộ với Trung tâm Dữ liệu quốc gia.

b) Kết quả thực hiện ứng dụng chuyển đổi số để cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trong thực hiện các thủ tục hành chính về đất đai, giảm tối thiểu 30% thời gian giải quyết thủ tục thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người dân, doanh nghiệp

Sở Nông nghiệp và Môi trường đã thực hiện hỗ trợ kỹ thuật đối với phần mềm VNPT iLIS và các hệ thống công nghệ thông tin có liên quan, phục vụ tiếp nhận, xử lý và giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai. Hồ sơ được tiếp nhận, xử lý trên Cổng Dịch vụ công của tỉnh; đồng thời tăng cường tích hợp hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công quốc gia và liên thông giải quyết hồ sơ điện tử giữa VNPT iLIS với ứng dụng của cơ quan Thuế.

Việc ứng dụng chuyển đổi số đã góp phần rút ngắn thời gian giải quyết hồ sơ từ 10% đến 30%, tạo thuận lợi cho người dân theo dõi quá trình xử lý, nộp hồ sơ và nhận kết quả trực tuyến đối với hồ sơ toàn trình. Cụ thể: đối với thủ tục đăng ký biến động do thay đổi thông tin người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, trong đó có thay đổi từ Chứng minh nhân dân sang Căn cước công dân, thời gian thực hiện hồ sơ trả kết quả là 04 ngày làm việc; đối với đăng ký giao dịch bảo đảm, thời gian trả kết quả là 01 ngày làm việc. Để tạo thuận lợi cho người sử dụng đất thực hiện giao dịch bảo đảm, vay vốn tại tổ chức tín dụng và đồng thời làm sạch, làm giàu dữ liệu đất đai, Văn phòng Đăng ký đất đai và các Chi nhánh đã lồng ghép 02 thủ tục trên, xử lý và trả kết quả trong 01 ngày làm việc. Qua đó, thời gian trả kết quả khi thực hiện đồng thời 02 thủ tục được rút ngắn 04 ngày làm việc.

c) Xây dựng, công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của tỉnh

- Đối với Kế hoạch sử dụng đất 05 năm (2021 - 2025) cấp tỉnh:

Hồ sơ kế hoạch sử dụng đất của tỉnh Cà Mau được Bộ Tài nguyên và Môi trường thẩm định tại Thông báo số 12/TB-HĐTĐ ngày 08/5/2024; Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 11/7/2024. Ủy ban nhân dân tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Tờ trình số 112/TTr-UBND ngày

25/7/2024. Ngày 26/12/2024, Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Công văn số 9159/BTNMT-QHPTTND hướng dẫn các tỉnh không phải thành phố trực thuộc Trung ương quyết định kết thúc dự án lập Kế hoạch sử dụng đất 05 năm (2021 - 2025) cấp tỉnh tại thời điểm 01/8/2024, sử dụng kết quả đã thực hiện phục vụ công tác quản lý đất đai. Trên cơ sở đó, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Công văn số 909/UBND-NNTN ngày 10/02/2025 chấp thuận kết thúc dự án lập Kế hoạch sử dụng đất 05 năm (2021 - 2025) của tỉnh Cà Mau tại thời điểm 01/8/2024. Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành Công văn số 470/STNMT-QLĐĐ ngày 14/02/2025 gửi các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện (trước khi thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp) triển khai thực hiện Kế hoạch sử dụng đất 05 năm (2021 - 2025) tỉnh Cà Mau. Tài liệu được công bố công khai trên Trang thông tin điện tử của Sở Nông nghiệp và Môi trường (riêng Hồ sơ kế hoạch sử dụng đất tỉnh Bạc Liêu trước hợp nhất được lập và trình Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định. Đến ngày 04/9/2024, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất không thông qua Hội đồng nhân dân tỉnh tại Công văn số 3494/UBND-KT nên không công bố công khai sản phẩm).

- Đối với quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 cấp huyện: 09/09 đơn vị hành chính cấp huyện thuộc tỉnh Cà Mau trước ngày 01/7/2025 đã lập và được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt hồ sơ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030. Đối với tỉnh Bạc Liêu trước hợp nhất, 05/07 đơn vị hành chính cấp huyện đã triển khai lập và phê duyệt điều chỉnh; thành phố Bạc Liêu và thị xã Giá Rai sử dụng quy hoạch chung theo quy định.

- Đối với kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện: Trong giai đoạn 2023 - 2025, Sở Tài nguyên và Môi trường đã hướng dẫn, đôn đốc Ủy ban nhân dân cấp huyện lập kế hoạch sử dụng đất hằng năm; tổ chức thẩm định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt 49 hồ sơ, gồm 27 hồ sơ của 09 huyện, thành phố thuộc Cà Mau cũ và 21 hồ sơ của 07 huyện, thị xã, thành phố thuộc Bạc Liêu cũ.

- Đối với mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, Ủy ban nhân dân cấp xã không tổ chức lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp xã. Việc phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất được thực hiện trên cơ sở phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai trong quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo quy định.

d) Việc phối hợp hỗ trợ doanh nghiệp trong công tác giải phóng mặt bằng

Đến ngày 24/8/2026, toàn tỉnh có 57 công trình, dự án thuộc diện thu hồi đất với tổng diện tích khoảng 1.431 ha, ảnh hưởng đến 7.253 hộ gia đình và 21 tổ chức. Từ đầu năm 2026 đến nay, tỉnh triển khai 27 công trình, dự án có liên quan đến bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và giải phóng mặt bằng; Ủy ban nhân dân các xã, phường đã có văn bản cam kết tiến độ đối với 22 công trình với tổng diện tích thu hồi 636,83 ha.

Gần 20 công trình đã hoàn thành 100% công tác giải phóng mặt bằng, như dự án cao tốc Cà Mau - Đất Mũi, đường giao thông ra đảo Hòn Khoai, Cảng tổng hợp lương thực Hòn Khoai, dự án xây dựng, nâng cấp đê biển Đông và hệ thống cống qua đê. Tuy nhiên, một số dự án còn chậm tiến độ hoặc trễ thời gian cam kết do vướng công tác giải phóng mặt bằng, điển hình như đường Vành đai trong thành phố

Bạc Liêu giai đoạn 1, đường Vành đai ngoài thành phố Bạc Liêu giai đoạn 1, dự án xây dựng đê biển Tây từ Cái Đồi Vàm đến Kênh Năm và các dự án kè phòng, chống sạt lở bờ biển từ cửa biển sông Ông Đốc đến cửa biển Bảy Háp.

Để tháo gỡ điểm nghẽn, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo Ủy ban nhân dân các xã, phường phối hợp với Trung tâm Phát triển quỹ đất và các ban quản lý dự án khẩn trương hoàn thiện thủ tục bồi thường, chi trả và bàn giao mặt bằng. Đối với trường hợp vướng thủ tục thừa kế, tranh chấp chưa thể nhận tiền bồi thường nhưng dự án cần mặt bằng gấp, địa phương thực hiện phương án gửi tiền bồi thường vào tài khoản tạm giữ tại ngân hàng thương mại theo quy định. Đối với trường hợp đã được áp dụng đầy đủ chính sách, vận động, đối thoại nhiều lần nhưng cố tình không chấp hành, chính quyền địa phương hoàn thiện hồ sơ để tổ chức cưỡng chế thu hồi đất theo quy định.

đ) Về bố trí quỹ đất đầu tư kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp, vườn ươm công nghệ để cho các doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo thuê

Ngày 15/5/2026, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 1722/QĐ-UBND về danh mục Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh được giao quy định chi tiết tại luật, nghị quyết của Quốc hội, nghị định của Chính phủ; trong đó giao Ban Quản lý Khu kinh tế chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan tham mưu Quyết định quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức hỗ trợ đầu tư và xác định diện tích đất đã đầu tư hạ tầng của khu công nghiệp dành cho doanh nghiệp công nghệ cao thuộc khu vực kinh tế tư nhân, doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo thuê, thuê lại. Hiện nay, Ban Quản lý Khu kinh tế có Công văn đề nghị Sở Tư pháp nghiên cứu, cho ý kiến đối với đề xuất nghiên cứu hợp nhất các nội dung quy định tại khoản 3 và khoản 6 Điều 7 Nghị quyết số 198/2025/QH15 thành một Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh; đồng thời, giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Ban Quản lý Khu kinh tế, Sở Công Thương, Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng dự thảo Quyết định, nhằm bảo đảm tính thống nhất của văn bản, tránh chồng chéo, thuận lợi trong quá trình tham mưu ban hành và tổ chức thực hiện.

e) Về phương án xử lý đối với nhà, đất là tài sản công chưa sử dụng hoặc không sử dụng tại địa phương để cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo thuê phục vụ sản xuất, kinh doanh.

Đến thời điểm hiện tại, toàn tỉnh có 312 cơ sở nhà, đất dôi dư sau sắp xếp đơn vị hành chính; đã bố trí chuyển đổi công năng đưa vào sử dụng 69 cơ sở. Số còn lại được đưa vào Kế hoạch số 439/KH-UBND ngày 22/7/2026, trong đó 81 cơ sở giữ lại tiếp tục sử dụng và 162 cơ sở đưa vào quản lý, khai thác.

g) Về ban hành danh mục tài sản công cho thuê và quy định về tiêu chí, mức hỗ trợ, hình thức hỗ trợ, trình tự, thủ tục cho thuê đối với từng loại tài sản và thực hiện công bố công khai trên trang thông tin điện tử của địa phương và của ngành, hoàn thành trong năm 2025 – 2026

Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 153/2026/QĐ-UBND ngày 13/7/2026 quy định danh mục tài sản công cho thuê, tiêu chí, mức hỗ trợ, hình thức

hỗ trợ và trình tự, thủ tục cho thuê nhà, đất là tài sản công trên địa bàn tỉnh. Quy định tạo cơ sở để các doanh nghiệp thuộc đối tượng được hưởng chính sách tiếp cận mặt bằng và thực hiện các chính sách hỗ trợ theo quy định.

Đối tượng thuê gồm doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo. Quyết định quy định một số trường hợp được hỗ trợ giảm 50% tiền thuê nhà, đất, gồm doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động để khắc phục hậu quả do thiên tai, hỏa hoạn hoặc tai nạn bất khả kháng; doanh nghiệp sử dụng lao động là người dân tộc thiểu số cư trú hợp pháp trên địa bàn tỉnh từ 30% đến dưới 50%; doanh nghiệp sử dụng lao động là người khuyết tật từ 30% đến dưới 70%.

h) Về ban hành quyết định về mức giảm tiền thuê lại đất cho doanh nghiệp công nghệ cao thuộc khu vực kinh tế tư nhân, doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, vườn ươm công nghệ.

Sở Tài chính đã dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ giảm tiền thuê lại đất cho doanh nghiệp công nghệ cao thuộc khu vực kinh tế tư nhân, doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh và gửi Sở Tư pháp thẩm định theo Công văn số 9634/STC-GCS ngày 27/8/2026.

2.3. Thúc đẩy khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong kinh tế tư nhân

a) Triển khai chính sách hỗ trợ chi phí để doanh nghiệp đầu tư mua sắm máy móc, đổi mới công nghệ, chi phí thực hiện chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, kinh doanh bền vững, tuần hoàn thông qua cơ chế khấu trừ thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc qua các quỹ.

Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 0172/KH-UBND ngày 04/11/2025 về phát triển hạ tầng số tỉnh Cà Mau đến năm 2030; Kế hoạch số 0280/KH-UBND ngày 31/12/2025 thực hiện Chuyển đổi số năm 2026 của tỉnh Cà Mau; Kế hoạch số 0155/KH-UBND ngày 24/10/2025 triển khai hạ tầng 5G, IoT trong các khu công nghiệp, khu kinh tế, cụm công nghiệp; Kế hoạch số 274/KH-UBND ngày 20/5/2026 phát triển ngành công nghiệp bán dẫn trên địa bàn tỉnh Cà Mau năm 2026.

Nhằm mục đích cụ thể hóa đầy đủ, kịp thời các nhiệm vụ được giao cho địa phương tại Kế hoạch hoạt động năm 2026 của Ban Chỉ đạo quốc gia về phát triển ngành công nghiệp bán dẫn; chuyển hóa thành các nhiệm vụ, giải pháp phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh Cà Mau. Tập trung triển khai các nội dung mà địa phương có lợi thế và khả năng tổ chức thực hiện, trọng tâm là phát triển hạ tầng dữ liệu và nền tảng số; đào tạo, phát triển nguồn nhân lực phục vụ chuyển đổi số; thúc đẩy ứng dụng công nghệ số trong các ngành kinh tế chủ lực; hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, tham gia chuỗi giá trị sản xuất điện tử, công nghệ cao. Góp phần nâng cao năng lực quản lý nhà nước; thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; tạo môi trường thuận lợi thu hút đầu tư, từng bước hình thành hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, phát triển kinh tế số, xã hội số trên địa bàn tỉnh.

b) Triển khai chính sách miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp cho các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, tổ chức trung gian hỗ trợ khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo kể từ thời điểm phát sinh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp; miễn, giảm thuế thu nhập cá nhân, thuế thu nhập doanh nghiệp khác theo quy định.

Cơ quan thuế trên địa bàn tỉnh đã triển khai các quy định liên quan đến miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân đối với các đối tượng thuộc diện được hưởng ưu đãi theo quy định. Đối với doanh nghiệp trích thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp để lập quỹ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và nghiên cứu phát triển, cơ quan Thuế thực hiện quản lý trên cơ sở hồ sơ khai thuế, quyết toán thuế của doanh nghiệp. Đến nay chưa phát sinh trường hợp hỗ trợ theo quy định này.

c) Thúc đẩy phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và chuyển đổi xanh trong khu vực kinh tế tư nhân.

Hạ tầng số tiếp tục được đầu tư, nâng cấp. Mạng Internet băng thông rộng cố định và di động phủ kín 100% địa bàn cấp xã; hệ thống nền tảng số, dịch vụ công trực tuyến và cơ sở dữ liệu dùng chung từng bước được hoàn thiện.

Trung tâm Khởi nghiệp và Đổi mới sáng tạo (CiNEC) tỉnh được đưa vào hoạt động, bước đầu hình thành không gian kết nối giữa doanh nghiệp, cơ quan quản lý nhà nước, cơ sở đào tạo và các tổ chức hỗ trợ đổi mới sáng tạo.

Trong lĩnh vực thương mại điện tử, các hoạt động hỗ trợ đã chú trọng hướng dẫn doanh nghiệp sử dụng công cụ số, trong đó có ChatGPT, AI để xây dựng nội dung quảng cáo, video, hình ảnh; sử dụng hợp đồng điện tử và bán hàng trên các nền tảng thương mại điện tử. Đây là hướng hỗ trợ phù hợp với doanh nghiệp nhỏ, hợp tác xã và hộ kinh doanh trong điều kiện nguồn lực đầu tư cho chuyển đổi số còn hạn chế.

2.4. Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ và hộ kinh doanh

a) Việc triển khai quy định bãi bỏ hình thức thuế khoán đối với hộ kinh doanh

Cơ quan thuế trên địa bàn tỉnh đã tập trung rà soát, chuẩn hóa dữ liệu hộ kinh doanh; phân loại theo phương pháp quản lý thuế; tăng cường tuyên truyền, hỗ trợ hộ kinh doanh đăng ký, kê khai, nộp thuế điện tử; triển khai hóa đơn điện tử, hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền và các ứng dụng thuế điện tử. Đồng thời, cơ quan Thuế hỗ trợ hộ kinh doanh chuyển đổi phương thức quản lý thuế, từng bước hình thành thói quen kê khai, sử dụng hóa đơn, chứng từ và thực hiện chế độ kế toán phù hợp; tạo điều kiện để hộ kinh doanh chuyển đổi thành doanh nghiệp khi đáp ứng điều kiện và có nhu cầu. Đến cuối tháng 6/2026, khoảng 46.000 hộ đã chuyển từ thuế khoán sang kê khai, đạt tỷ lệ 100%.

b) Việc triển khai, cung cấp miễn phí các nền tảng số, phần mềm kế toán dùng chung, dịch vụ tư vấn pháp lý, đào tạo về quản trị doanh nghiệp, kế toán, thuế, nhân sự, pháp luật cho doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh

Theo Nghị định số 20/2026/NĐ-CP ngày 15/01/2026 của Chính phủ, Bộ Tài chính được giao tổ chức thuê, mua sắm sản phẩm, dịch vụ các nền tảng số, phần mềm kế toán và hướng dẫn quy trình, thủ tục cung cấp, quản lý, vận hành nền tảng số, phần mềm kế toán cho doanh nghiệp nhỏ, doanh nghiệp siêu nhỏ, hộ kinh doanh và cá nhân kinh doanh. Tuy nhiên, đến thời điểm báo cáo, nội dung hướng dẫn

này chưa được ban hành nên địa phương chưa có đủ cơ sở để triển khai đầy đủ chính sách.

c) Việc tham gia thực hiện hiệu quả Chiến lược tài chính toàn diện quốc gia, thúc đẩy khả năng tiếp cận và sử dụng các sản phẩm tài chính cho các doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ, hộ kinh doanh, ưu tiên chủ doanh nghiệp, hộ kinh doanh là thanh niên, phụ nữ, nhóm yếu thế, đồng bào dân tộc thiểu số và các mô hình kinh doanh bao trùm, tạo tác động xã hội

Thực hiện Kế hoạch số 381/KH-UBND ngày 02/7/2026 của UBND tỉnh Cà Mau về triển khai Chiến lược tài chính toàn diện quốc gia giai đoạn 2026-2030, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực 15 đã triển khai các nhiệm vụ thuộc chức năng, nhiệm vụ được giao, chỉ đạo các tổ chức tín dụng mở rộng khả năng tiếp cận dịch vụ ngân hàng, đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt và ngân hàng số. Đến cuối tháng 7/2026, dư nợ tín dụng đạt 125.475 tỷ đồng, tăng 1,28% so với cuối năm 2025; dư nợ phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn đạt 75.588 tỷ đồng, chiếm gần 60% tổng dư nợ; hơn 1,7 triệu khách hàng từ 15 tuổi trở lên có tài khoản thanh toán.

Tín dụng chính sách tiếp tục được triển khai nhằm đáp ứng nhu cầu vốn của hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng chính sách, góp phần giảm nghèo, tạo việc làm và bảo đảm an sinh xã hội. Đến cuối tháng 7/2026, doanh số cho vay đạt 124 tỷ đồng, doanh số cho vay lũy kế từ đầu năm đạt 2.121 tỷ đồng; dư nợ đạt 9.570 tỷ đồng, chiếm 7,6% tổng dư nợ tín dụng trên địa bàn, tăng 13,47% so với cuối năm 2025. Dư nợ tập trung chủ yếu ở chương trình cho vay giải quyết việc làm 3.150 tỷ đồng, cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường 2.647 tỷ đồng, cho vay hộ mới thoát nghèo 1.459 tỷ đồng và cho vay hộ gia đình sản xuất, kinh doanh tại vùng khó khăn 658 tỷ đồng. Đáng chú ý, dư nợ cho vay giải quyết việc làm tăng 24,65%, cho vay nước sạch tăng 31,50% và cho vay hộ gia đình sản xuất, kinh doanh tại vùng khó khăn tăng 21,14% so với cuối năm 2025. Qua đó, khả năng tiếp cận và sử dụng các dịch vụ tài chính chính thức, nhất là tín dụng phục vụ nông nghiệp, nông thôn, tín dụng chính sách và dịch vụ thanh toán số, tiếp tục được mở rộng, góp phần thực hiện các mục tiêu Chiến lược tài chính toàn diện quốc gia giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

3. Việc thực hiện và hoàn thiện cơ chế, chính sách hỗ trợ và thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân

Trong giai đoạn 2023 - 2026, tỉnh đã tổ chức thực hiện các chính sách của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau và Hội đồng nhân dân tỉnh Bạc Liêu trước hợp nhất. Sau khi hợp nhất tỉnh, một số chính sách được rà soát, thay thế bằng nghị quyết mới của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau nhằm thống nhất cơ chế áp dụng trên địa bàn toàn tỉnh.

3.1. Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bạc Liêu về chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; thay thế bởi Nghị quyết số 17/2026/NQ-HĐND ngày 14/5/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau

Sở Nông nghiệp và Môi trường đã phối hợp khảo sát, hỗ trợ xây dựng 04 dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm gồm: (1) Liên kết sản xuất và tiêu thụ tôm sú của HTX Chế biến TMDV NTTS Cái Bát; (2) Liên kết sản xuất và tiêu thụ tôm

sú của HTX Nuôi tôm năng suất cao Tân Hưng; (3) Liên kết sản xuất và tiêu thụ lúa gạo của HTX Dịch vụ nông nghiệp Kinh Dón; (4) Liên kết sản xuất và tiêu thụ bồn bồn kết hợp cá đồng của HTX An Hòa. Các dự án có thời gian thực hiện 03 năm, tổng kinh phí 15,2 tỷ đồng, trong đó ngân sách nhà nước hỗ trợ 5,6 tỷ đồng, gồm 3,3 tỷ đồng năm 2025 và 2,3 tỷ đồng năm 2026. Các hợp tác xã đang phối hợp với doanh nghiệp cung ứng đầu vào, doanh nghiệp bao tiêu đầu ra và hộ nông dân thành viên để triển khai dự án.

3.2. Nghị quyết số 15/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bạc Liêu quy định nội dung và mức chi hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu thay thế bởi Nghị quyết số 26/2026/NQ-HĐND ngày 14/5/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau quy định mức chi cho hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Cà Mau

Các sở, ban, ngành tỉnh và địa phương đã tổ chức triển khai đồng bộ và hiệu quả các hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và tình hình kinh tế của từng sở, ngành, từng lĩnh vực, địa bàn. Theo đó đã tạo được nhiều chuyển biến căn bản về nhận thức pháp lý, ý thức pháp luật và thói quen tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp nhỏ và vừa, đồng thời tạo lập các điều kiện cần thiết để giúp doanh nghiệp kinh doanh trong phòng, chống rủi ro và tăng cường năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp, góp phần nâng cao công tác quản lý nhà nước bằng pháp luật đối với doanh nghiệp.

Nội dung chương trình phổ biến cho doanh nghiệp ngày càng được đổi mới hơn, mang giá trị thiết thực đối với doanh nghiệp, phổ biến thông tin, chính sách hỗ trợ của nhà nước đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo, lan tỏa rộng rãi, thông tin kịp thời các chính sách hỗ trợ của nhà nước đến doanh nghiệp nhỏ và vừa. Tiếp thu những vướng mắc, ý kiến của cộng đồng doanh nghiệp nhỏ và vừa trong bối cảnh dịch bệnh, thiên tai..., qua đó đề xuất giải pháp góp phần tháo gỡ khó khăn, vướng mắc pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, phản ánh ý kiến của cộng đồng doanh nghiệp nhỏ và vừa đến các Sở, ngành liên quan.

Quá trình triển khai thực hiện các hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa đã có sự phối hợp giữa các sở, ngành, địa phương và các tổ chức đại diện của doanh nghiệp triển khai các hoạt động cụ thể, như: Biên soạn và phát hành 1.500 quyển sổ tay hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp; tổ chức điều tra khảo sát doanh nghiệp về khó khăn, vướng mắc pháp lý với 210 phiếu; Tổ chức Diễn đàn đối thoại hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp; Tổ chức các lớp bồi dưỡng; tọa đàm nhằm nâng cao kiến thức pháp luật cho doanh nghiệp; kỹ năng, nghiệp vụ cho cán bộ pháp chế doanh nghiệp và người làm công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp; tổ chức các Chương trình pháp luật kinh doanh cho doanh nghiệp thông qua các video clip, phát thanh - truyền hình, xây dựng các Bản tin hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp... Các hoạt động này đã đạt một số kết quả cụ thể, tạo kênh thông tin quan trọng và kịp thời để tuyên truyền các chủ trương, chính sách pháp luật kinh doanh tới các doanh nghiệp, giúp các doanh nghiệp khắc phục tình trạng khó khăn trong việc tiếp cận thông tin pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật, áp dụng pháp luật vào sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

3.3. Nghị quyết số 03/2024/NQ-HĐND ngày 12/6/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bạc Liêu quy định một số chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu giai đoạn 2024 - 2030 và Nghị quyết số 15/2021/NQ-HĐND ngày 04/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau quy định về nội dung và mức chi để thực hiện Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021 - 2030 trên địa bàn tỉnh thay thế bởi Nghị quyết số 20/2026/NQ-HĐND ngày 14/5/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau quy định nội dung và mức chi ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021 - 2030 trên địa bàn tỉnh

Kết quả dự án đã hỗ trợ 05 doanh nghiệp xây dựng, áp dụng hệ thống HACCP; 01 doanh nghiệp xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn VietGAP; 02 doanh nghiệp xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn cơ sở.

3.4. Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau quy định mức hỗ trợ đăng ký bảo hộ đối với sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu, công nhận giống cây trồng mới trên địa bàn tỉnh Cà Mau đến năm 2030 được thay thế bởi Nghị quyết số 21/2026/NQ-HĐND ngày 14/5/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau quy định mức chi hỗ trợ đăng ký bảo hộ đối với sáng chế, kiểu dáng công nghiệp và nhãn hiệu; đăng ký bảo hộ, công nhận giống cây trồng mới trên địa bàn tỉnh Cà Mau đến năm 2030

Kết quả hỗ trợ từ năm 2025 đến nay: hỗ trợ 52 đơn vị đăng ký nhãn hiệu với tổng số tiền 780 triệu đồng.

3.5. Nghị quyết số 03/2025/NQ-HĐND ngày 31/3/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bạc Liêu về việc hỗ trợ lãi suất vay vốn tại các tổ chức tín dụng đối với các dự án đầu tư phương tiện xe buýt, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt; hỗ trợ cho người sử dụng dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt thông qua chính sách miễn, giảm giá vé trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu

Tính đến ngày 30/6/2026, trên địa bàn tỉnh chưa phát sinh hồ sơ hoặc đối tượng đủ điều kiện đề nghị hỗ trợ lãi suất đối với dự án đầu tư phương tiện xe buýt, kết cấu hạ tầng vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt; do đó chưa phát sinh kinh phí giải ngân theo chính sách. Việc chính sách chưa phát sinh đối tượng thụ hưởng xuất phát từ nhu cầu đầu tư thực tế của doanh nghiệp, khả năng tiếp cận và huy động vốn, hiệu quả khai thác tuyến cũng như điều kiện tổ chức vận tải hành khách công cộng trong từng thời kỳ.

3.6. Nghị quyết số 24/2019/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau về ban hành chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Cà Mau

Sở Nông nghiệp và Môi trường đã phối hợp cung cấp thông tin, hướng dẫn chuyên môn và rà soát các dự án đầu tư thuộc lĩnh vực quản lý. Trong lĩnh vực thủy sản, đã phối hợp thẩm định chuyên môn đối với các dự án đầu tư tư nhân quy mô lớn về nuôi tôm công nghệ cao và sản xuất tôm giống bố mẹ tại các vùng quy hoạch

tập trung; qua đó góp phần thu hút nguồn lực xã hội, thúc đẩy ứng dụng công nghệ cao và nâng cao năng lực sản xuất. Đồng thời, Sở và các đơn vị đang rà soát các khu vực có tiềm năng phát triển sản xuất tập trung, làm cơ sở đề xuất danh mục dự án và thu hút doanh nghiệp, nhà đầu tư tham gia đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được

- Qua triển khai thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW của Bộ Chính trị và các cơ chế, chính sách của Trung ương, của tỉnh về phát triển kinh tế tư nhân, công tác lãnh đạo, chỉ đạo, cụ thể hóa và tổ chức thực hiện trên địa bàn tỉnh được quan tâm, triển khai tương đối đồng bộ. Ban Chỉ đạo tỉnh về phát triển kinh tế tư nhân được thành lập; các chương trình, kế hoạch, quy chế hoạt động và phân công nhiệm vụ được ban hành, tạo cơ sở để các sở, ban, ngành, địa phương tổ chức thực hiện, theo dõi, đôn đốc và phối hợp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp.

- Nhận thức về vị trí, vai trò của kinh tế tư nhân trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh từng bước được nâng lên. Tư duy quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp từng bước chuyển theo hướng kiến tạo, đồng hành, hỗ trợ và phục vụ; công tác đối thoại, tiếp xúc doanh nghiệp, tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị được quan tâm thực hiện.

- Khu vực kinh tế tư nhân tiếp tục có đóng góp quan trọng vào phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, thể hiện qua đóng góp vào GRDP, thu ngân sách, tạo việc làm và huy động nguồn lực đầu tư. Số lượng doanh nghiệp thành lập mới có bước tăng trưởng tốt, đặc biệt là năm 2025 và 6 tháng đầu năm 2026.

- Công tác cải cách thủ tục hành chính, chuyển đổi số trong giải quyết thủ tục hành chính, hỗ trợ pháp lý, xúc tiến thương mại, thương mại điện tử, khoa học công nghệ, sở hữu trí tuệ, năng suất chất lượng và hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa được triển khai trên nhiều lĩnh vực, góp phần tạo điều kiện thuận lợi hơn cho doanh nghiệp trong hoạt động sản xuất, kinh doanh.

- Việc hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận tín dụng, nguồn nhân lực, khoa học công nghệ và thị trường được quan tâm. Các chương trình kết nối ngân hàng - doanh nghiệp, xúc tiến thương mại, kết nối cung cầu và đào tạo nguồn nhân lực được triển khai; qua đó từng bước hỗ trợ doanh nghiệp duy trì, mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Công tác rà soát, xử lý các dự án tồn đọng, kéo dài được quan tâm thực hiện và đạt một số kết quả bước đầu; nhiều khó khăn, vướng mắc của các dự án được rà soát, phân loại và xác định hướng xử lý phù hợp, góp phần tháo gỡ khó khăn, khơi thông nguồn lực và tạo điều kiện cho các dự án tiếp tục triển khai.

- Các cơ chế, chính sách của Hội đồng nhân dân tỉnh về hỗ trợ phát triển kinh tế tư nhân được các cơ quan chuyên môn tổ chức triển khai theo chức năng, nhiệm vụ được giao. Một số chính sách đã phát sinh kết quả cụ thể trong hỗ trợ liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, hỗ trợ pháp lý, nâng cao năng suất, sở hữu trí tuệ; một số chính sách mới ban hành, thay thế trong năm 2026 đang tiếp tục được triển khai.

Nhìn chung, việc triển khai Nghị quyết số 68-NQ/TW và các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế tư nhân đã tạo chuyển biến tích cực về nhận thức, môi trường đầu tư kinh doanh và công tác hỗ trợ doanh nghiệp; tạo cơ sở để khu vực kinh tế tư nhân tiếp tục phát triển, đóng góp ngày càng quan trọng vào phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

2. Tồn tại, hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được, phát triển kinh tế tư nhân trên địa bàn tỉnh vẫn còn một số tồn tại, hạn chế:

Một là, quy mô và năng lực của khu vực kinh tế tư nhân còn hạn chế. Phần lớn doanh nghiệp trên địa bàn vẫn là doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ; năng lực tài chính, quản trị, đổi mới công nghệ, xây dựng thương hiệu và mở rộng thị trường còn hạn chế. Số doanh nghiệp có quy mô lớn, có khả năng dẫn dắt chuỗi giá trị, tạo sức lan tỏa và liên kết với doanh nghiệp nhỏ, hợp tác xã, hộ kinh doanh còn ít. Một số chỉ tiêu về phát triển doanh nghiệp và năng lực hoạt động của khu vực kinh tế tư nhân chưa đạt mức kỳ vọng, nhất là về quy mô doanh nghiệp, khả năng mở rộng hoạt động và năng lực tham gia chuỗi giá trị.

Hai là, năng lực khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số chưa đồng đều. Việc ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong doanh nghiệp đã được quan tâm nhưng chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới. Việc liên kết giữa doanh nghiệp với các cơ sở nghiên cứu, đào tạo và tổ chức hỗ trợ đổi mới sáng tạo còn hạn chế. Một bộ phận doanh nghiệp chưa chủ động tìm kiếm, tiếp nhận và chuyển giao công nghệ cao; nguồn nhân lực chất lượng cao về công nghệ thông tin, chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo còn thiếu.

Ba là, việc huy động và sử dụng các nguồn lực phục vụ sản xuất, kinh doanh còn một số khó khăn. Một bộ phận doanh nghiệp còn gặp khó khăn trong tiếp cận vốn, nguồn nhân lực chất lượng cao và các điều kiện cần thiết để mở rộng hoạt động sản xuất, kinh doanh. Chi phí sản xuất, vận chuyển và logistics còn cao, ảnh hưởng đến khả năng cạnh tranh và mở rộng thị trường của doanh nghiệp.

Bốn là, chất lượng cải cách hành chính và môi trường kinh doanh cần tiếp tục được cải thiện. Mặc dù nhiều thủ tục hành chính đã được cắt giảm, đơn giản hóa và số hóa, nhưng tại một số lĩnh vực vẫn còn những nội dung cần tiếp tục cải thiện. Kết quả PCI, PAR INDEX, SIPAS cho thấy tỉnh vẫn còn một số chỉ tiêu, lĩnh vực cần tập trung khắc phục, nhất là nâng cao chất lượng phục vụ và giảm chi phí tuân thủ cho doanh nghiệp.

Năm là, hiệu quả triển khai một số chính sách hỗ trợ cần tiếp tục được nâng cao. Một số chính sách mới ban hành có thời gian triển khai chưa dài; một số chính sách chưa phát sinh đầy đủ đối tượng thụ hưởng. Công tác tuyên truyền, hướng dẫn và tổ chức thực hiện cần tiếp tục được tăng cường để chính sách đến đúng đối tượng, phát huy hiệu quả và đáp ứng tốt hơn nhu cầu thực tế của doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh.

Sáu là, công tác phối hợp và theo dõi, đánh giá tình hình phát triển kinh tế tư nhân còn một số khó khăn. Sự phối hợp giữa các cơ quan nhà nước với các hội, hiệp hội doanh nghiệp trong nắm bắt, tổng hợp và xử lý khó khăn của doanh nghiệp có

lúc chưa chặt chẽ. Công tác theo dõi, thống kê một số chỉ tiêu về khu vực kinh tế tư nhân còn khó khăn, nhất là các chỉ tiêu phục vụ đánh giá đầy đủ quy mô, tốc độ tăng trưởng và mức độ đóng góp của khu vực này.

3. Nguyên nhân

3.1. Nguyên nhân khách quan

- Tình hình kinh tế thế giới và trong nước còn diễn biến phức tạp; sức ép cạnh tranh ngày càng lớn, thị trường tiêu thụ một số ngành hàng chưa ổn định, ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh và khả năng mở rộng đầu tư của doanh nghiệp.

- Xuất phát điểm của kinh tế tỉnh còn thấp; quy mô thị trường chưa lớn; kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là hạ tầng giao thông, logistics và hạ tầng phục vụ sản xuất, kinh doanh chưa thật sự đồng bộ.

- Phần lớn doanh nghiệp trên địa bàn có quy mô nhỏ và siêu nhỏ nên khả năng tích lũy, huy động nguồn lực cho đầu tư phát triển, đổi mới công nghệ, chuyển đổi số và mở rộng sản xuất còn hạn chế.

- Một số cơ chế, chính sách của Trung ương mới được ban hành hoặc đang trong quá trình hoàn thiện, việc triển khai một số nhiệm vụ còn phụ thuộc vào hướng dẫn của các bộ, ngành Trung ương.

3.2. Nguyên nhân chủ quan

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện ở một số cơ quan, đơn vị có lúc chưa thật sự quyết liệt; công tác phối hợp trong triển khai một số nhiệm vụ còn chưa đồng bộ.

- Nhận thức và phương thức thực hiện nhiệm vụ của một bộ phận cán bộ, công chức có mặt chưa theo kịp yêu cầu chuyển mạnh sang tư duy kiến tạo, đồng hành và phục vụ doanh nghiệp; chất lượng tham mưu, theo dõi và đôn đốc ở một số khâu còn hạn chế.

- Về phía doanh nghiệp, một bộ phận doanh nghiệp chưa chủ động đổi mới mô hình quản trị, nâng cao năng lực tài chính, chuyển đổi số, tìm kiếm công nghệ mới, đào tạo nhân lực và tham gia liên kết chuỗi giá trị; khả năng chủ động tiếp cận các chương trình hỗ trợ còn hạn chế.

4. Khó khăn trong tiếp cận và thụ hưởng các cơ chế, chính sách

Việc tiếp cận và thụ hưởng các cơ chế, chính sách hỗ trợ của Nhà nước nhìn chung được quan tâm, tuy nhiên vẫn còn một số khó khăn do doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh chưa nắm đầy đủ thông tin về chính sách, điều kiện và trình tự thực hiện; năng lực chuẩn bị hồ sơ, phương án sản xuất kinh doanh và khả năng đáp ứng các điều kiện hỗ trợ của một số đối tượng còn hạn chế.

- Đối với doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ, khả năng bố trí nguồn lực để thực hiện các chương trình hỗ trợ về đổi mới công nghệ, chuyển đổi số, nâng cao năng suất chất lượng, xúc tiến thương mại và phát triển thị trường còn hạn chế.

- Đối với các chính sách mới ban hành, cần tiếp tục tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn và tổ chức thực hiện để doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh biết, chủ động tiếp cận và thụ hưởng chính sách.

- Đối với các cơ chế, chính sách của Hội đồng nhân dân tỉnh, các cơ quan chuyên môn tiếp tục theo dõi, tổng hợp tình hình thực hiện, kịp thời hướng dẫn, tháo gỡ khó khăn trong quá trình triển khai, bảo đảm các chính sách được thực hiện đúng đối tượng, đúng quy định và phát huy hiệu quả.

IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRONG THỜI GIAN TỚI

1. Tiếp tục tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện

- Tiếp tục quán triệt và tổ chức thực hiện nghiêm túc, hiệu quả Nghị quyết số 68-NQ/TW của Bộ Chính trị, Chương trình số 12-CTr/TU, Kế hoạch số 271/KH-UBND; xác định phát triển kinh tế tư nhân là nhiệm vụ thường xuyên, có ý nghĩa quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Phát huy vai trò của Ban Chỉ đạo tỉnh về phát triển kinh tế tư nhân trong chỉ đạo, điều phối, theo dõi, đôn đốc và tháo gỡ khó khăn, vướng mắc; nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ.

- Tiếp tục đổi mới phương thức quản lý nhà nước theo hướng kiến tạo phát triển, lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ; nâng cao tinh thần trách nhiệm, đạo đức công vụ và chất lượng tham mưu của đội ngũ cán bộ, công chức.

2. Tiếp tục cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh

- Tiếp tục rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh, nhất là các thủ tục liên quan trực tiếp đến gia nhập thị trường và hoạt động sản xuất, kinh doanh.

- Đẩy mạnh số hóa hồ sơ, liên thông dữ liệu giữa các cơ quan; nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến; giảm thời gian, chi phí tuân thủ và chi phí đi lại của doanh nghiệp.

- Tập trung khắc phục những hạn chế được phản ánh qua các chỉ số PCI, PAR INDEX, SIPAS; tăng cường theo dõi mức độ hài lòng và phản hồi thực tế của doanh nghiệp trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính.

- Tiếp tục thực hiện nghiêm các quy định về thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp; hạn chế chồng chéo, trùng lặp, tạo môi trường kinh doanh thuận lợi và ổn định cho doanh nghiệp.

3. Hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận các nguồn lực và phát triển doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ, hộ kinh doanh

- Tiếp tục thực hiện các chương trình kết nối ngân hàng - doanh nghiệp; tạo điều kiện để doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh tiếp cận các nguồn vốn phù hợp với nhu cầu sản xuất, kinh doanh.

- Tăng cường thông tin, hướng dẫn doanh nghiệp tiếp cận các chương trình tín dụng; khuyến khích doanh nghiệp nâng cao tính minh bạch tài chính, năng lực quản trị và chất lượng phương án sản xuất kinh doanh.

- Tiếp tục triển khai các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ và hộ kinh doanh theo hướng thiết thực, đúng đối tượng, phù

hợp nhu cầu thực tế; ưu tiên các nội dung về quản trị doanh nghiệp, chuyển đổi số, thương mại điện tử, xúc tiến thương mại, sở hữu trí tuệ, năng suất chất lượng và đổi mới sáng tạo.

- Tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn để doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh biết, hiểu và chủ động tiếp cận các chính sách hỗ trợ; đẩy mạnh hỗ trợ hộ kinh doanh thực hiện các quy định mới về thuế, hóa đơn điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt, quản trị và minh bạch tài chính; tạo điều kiện để hộ kinh doanh có đủ năng lực chuyển đổi thành doanh nghiệp khi có nhu cầu.

4. Tiếp tục rà soát, nâng cao hiệu quả thực hiện các cơ chế, chính sách của Hội đồng nhân dân tỉnh

- Các sở, ban, ngành được giao chủ trì thực hiện các nghị quyết, chính sách của Hội đồng nhân dân tỉnh tiếp tục tổ chức thực hiện đầy đủ, đúng quy định; tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn để các đối tượng thuộc phạm vi chính sách biết và chủ động tiếp cận.

- Thường xuyên theo dõi, đánh giá tình hình thực hiện từng chính sách, nhất là số lượng đối tượng được hỗ trợ, kết quả thực hiện, kinh phí và những khó khăn, vướng mắc phát sinh; kịp thời hướng dẫn, tháo gỡ trong phạm vi thẩm quyền.

- Đối với những chính sách còn phù hợp và phát huy hiệu quả, tiếp tục tổ chức thực hiện, đồng thời nâng cao khả năng tiếp cận của đối tượng thụ hưởng.

- Đối với những chính sách có khó khăn, vướng mắc hoặc phát sinh vấn đề trong quá trình thực hiện, cơ quan chủ trì chủ động tổng hợp, tham mưu cấp có thẩm quyền xem xét, xử lý theo quy định.

5. Đẩy mạnh khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và chuyển đổi xanh

- Tiếp tục phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo; nâng cao hiệu quả hoạt động của Trung tâm Khởi nghiệp và Đổi mới sáng tạo tỉnh.

- Tăng cường kết nối doanh nghiệp với viện, trường, cơ sở nghiên cứu, đào tạo và các tổ chức hỗ trợ đổi mới sáng tạo; khuyến khích doanh nghiệp chủ động tiếp nhận, chuyển giao công nghệ cao, công nghệ tiên tiến, đổi mới thiết bị và quy trình sản xuất.

- Đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực về công nghệ thông tin, chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo, thương mại điện tử và quản trị doanh nghiệp; khuyến khích doanh nghiệp ứng dụng công nghệ số vào quản trị, sản xuất, tiêu thụ sản phẩm và mở rộng thị trường.

- Khuyến khích doanh nghiệp áp dụng mô hình sản xuất xanh, tiết kiệm năng lượng, kinh tế tuần hoàn và các mô hình kinh doanh bền vững.

6. Tăng cường xúc tiến thương mại, liên kết chuỗi và phát triển doanh nghiệp

- Tiếp tục đổi mới hoạt động xúc tiến thương mại, kết nối cung cầu, quảng bá sản phẩm trên nền tảng số; hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh mở rộng thị trường trong nước và từng bước tiếp cận thị trường nước ngoài.

- Khuyến khích doanh nghiệp nâng cao chất lượng sản phẩm, xây dựng thương hiệu, áp dụng tiêu chuẩn, truy xuất nguồn gốc và tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị.

- Tăng cường liên kết giữa doanh nghiệp với hợp tác xã, tổ hợp tác và hộ kinh doanh trong các ngành hàng chủ lực của tỉnh; khuyến khích doanh nghiệp có năng lực mở rộng quy mô, nâng cao năng lực quản trị, công nghệ và đóng vai trò dẫn dắt trong chuỗi giá trị.

7. Tăng cường đối thoại, hỗ trợ và theo dõi, đánh giá tình hình phát triển kinh tế tư nhân

- Duy trì thường xuyên các chương trình đối thoại, gặp gỡ doanh nghiệp theo chuyên đề, lĩnh vực và nhóm vấn đề; tập trung vào những khó khăn, vướng mắc trong hoạt động sản xuất, kinh doanh.

- Đối với các kiến nghị thuộc thẩm quyền, chủ động giải quyết hoặc tham mưu giải quyết kịp thời; đối với các nội dung vượt thẩm quyền, tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, xử lý.

- Phát huy vai trò của Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh và các hội, hiệp hội ngành nghề trong tập hợp, phản ánh kiến nghị của doanh nghiệp, tham gia góp ý, phản biện chính sách và làm cầu nối giữa doanh nghiệp với cơ quan nhà nước.

- Tăng cường phối hợp giữa các cơ quan chuyên môn trong thu thập, chia sẻ và cập nhật thông tin về doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh và tình hình thực hiện các chính sách hỗ trợ; từng bước hoàn thiện hệ thống chỉ tiêu theo dõi khu vực kinh tế tư nhân phù hợp với yêu cầu của Nghị quyết số 68-NQ/TW.

- Định kỳ rà soát tiến độ thực hiện từng nhiệm vụ, chính sách; kịp thời nhận diện những khó khăn, vướng mắc để có giải pháp xử lý phù hợp, bảo đảm các nhiệm vụ phát triển kinh tế tư nhân được triển khai đồng bộ, thực chất và hiệu quả.

Trên đây là Báo cáo Kết quả thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị và các cơ chế, chính sách hỗ trợ và thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân trên địa bàn tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Đoàn giám sát của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh theo yêu cầu./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh (theo dõi);
- Sở Tài chính (iOffice);
- Lưu: VT, KTTH (Ph_{KTTN}42.2)(01b).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Huỳnh Chí Nguyên